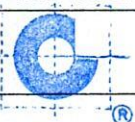


**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA**  
**TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH**  
**PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098**

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La  
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
 Số : 2025.09.26.06/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La  
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – phường Tô Hiệu – tỉnh Sơn La  
 03 Loại mẫu : Nước dưới đất giếng khoan Km 7 – XNCN số 2  
 04 Số lượng mẫu : 01  
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.09.11/BBGM. Ngày 11 tháng 09 năm 2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

| TT | Thông số                 | Đơn vị | Kết quả               | QCVN<br>09:2023/<br>BTNMT | Phương pháp<br>phân tích |
|----|--------------------------|--------|-----------------------|---------------------------|--------------------------|
| 1  | Hàm lượng Asen (As)      | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,0007)  | 0,05                      | TCCS HD – 03/01          |
| 2  | Hàm lượng Cacđimi (Cd)   | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,00054) | 0,005                     | TCCS HD – 02/01          |
| 3  | Hàm lượng Chì (Pb)       | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,004)   | 0,01                      | TCCS HD – 02/01          |
| 4  | Tổng Crom (Cr)           | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,0039)  | 0,05                      | TCCS HD – 02/01          |
| 5  | Hàm lượng Đồng (Cu)      | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,03)    | 1                         | TCCS HD – 01/01          |
| 6  | Hàm lượng Kẽm (Zn)       | mg/l   | <0,116                | 3                         | TCCS HD – 01/01          |
| 7  | Hàm lượng Niken (Ni)     | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,004)   | 0,02                      | TCCS HD – 02/01          |
| 8  | Hàm lượng Thủy ngân (Hg) | mg/l   | KPH<br>(Lod:0,00057)  | 0,001                     | TCCS HD – 04/01          |
| 9  | Hàm lượng Selen (Se)     | mg/l   | KPH<br>(Lod:0,00058)  | 0,01                      | TCCS HD – 03/01          |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**  
**PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017**

Địa chỉ: Tổ 6 Chiềng Lề, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La  
Tel: 1900636761 Email: [sowasucom@gmail.com.vn/](mailto:sowasucom@gmail.com.vn/)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số: 600/2025

**Tên đơn vị yêu cầu** : Xí nghiệp cấp nước số 2  
**Vị trí lấy mẫu** : Nước thô giếng khoan Km 7  
**Loại mẫu** : Nước dưới đất - Mã số 39/T9/2025  
**Số lượng mẫu** : 01  
**Biên bản giao mẫu** : Số 600/BB ngày 09 tháng 9 năm 2025  
**Ngày phân tích** : 10/9/2025 - 12/9/2025



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

| TT | Thông số                                       | Đơn vị        | Kết quả                  | QCVN<br>09:2023/BTNMT | Phương pháp<br>phân tích           |
|----|------------------------------------------------|---------------|--------------------------|-----------------------|------------------------------------|
| 1  | Sắt                                            | mg/L          | KPH<br><i>Lod: 0.1</i>   | 5                     | TCVN 6177:1996                     |
| 2  | pH                                             | -             | 6.96                     | 5.8 – 8.5             | Theo phương pháp nội<br>bộ PPNB-01 |
| 3  | Chỉ số Pemanganat                              | mg/L          | 0.26                     | 4                     | TCVN 6186:1996                     |
| 4  | Độ cứng tổng (tính theo<br>CaCO <sub>3</sub> ) | mg/L          | 308                      | 500                   | TCVN 6224:1996                     |
| 5  | Nitrit (NO <sub>2</sub> tính theo N)           | mg/L          | KPH<br><i>Lod: 0.024</i> | 1                     | TCVN 6178:1996                     |
| 6  | Nitrat (NO <sub>3</sub> tính theo N)           | mg/L          | 1.45                     | 15                    | TCVN 6180:1996                     |
| 7  | Clorua                                         | mg/L          | 10.9                     | 250                   | TCVN 6194:1996                     |
| 8  | Mangan                                         | mg/L          | KPH<br><i>Lod: 0.028</i> | 0.5                   | PP/MN                              |
| 9  | Tổng chất rắn hòa tan<br>TDS                   | mg/L          | 403.4                    | 1500                  | PP/TDS                             |
| 10 | Coliform tổng số                               | CFU/<br>100mL | 2                        | 3                     | TCVN 6187-1:2019                   |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |               |               |                      |     |                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|----------------------|-----|------------------|
| 11                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <i>E.coli</i> | CFU/<br>100mL | KPH<br><i>Lod: 1</i> | KPH | TCVN 6187-1:2019 |
| <div style="text-align: right;">Sơn La, ngày 15 tháng 9 năm 2025</div> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 30%;"> <p><b>Phụ trách Kỹ thuật<br/>bộ phận phân tích</b></p>  <p><b>Nguyễn Hoàng Lân</b></p> </div> <div style="width: 30%;"> <p><b>Kiểm soát</b></p>  <p><b>Đỗ Quang Phụng</b></p> </div> <div style="width: 30%; text-align: right;"> <p><b>P. Tổng giám đốc</b></p>  <p><b>Phạm Ngọc Dũng</b></p> </div> </div> |               |               |                      |     |                  |
| <p><b>Ghi chú:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.</li> <li>• Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.</li> <li>• Mẫu do đơn vị gửi đến.</li> <li>• <math>Lod</math> của <math>NO_2</math> được tính theo <math>N = 0.024</math>.</li> <li>• Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.</li> <li>• Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.</li> </ul>                                                                                                                                                                                             |               |               |                      |     |                  |